

Số: 482/HD-VKSTB

Thái Bình, ngày 24 tháng 5 năm 2018

HƯỚNG DẪN

Xây dựng báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2018

Thực hiện Kế hoạch số 62/KH-VKSTC ngày 22/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2018, để có cơ sở đánh giá đúng, đầy đủ kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác của toàn Ngành Kiểm sát Thái Bình 6 tháng đầu năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh hướng dẫn các đơn vị tiến hành sơ kết, xây dựng báo cáo như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

Kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ngành 6 tháng đầu năm 2018; phân tích những kết quả đạt được trong từng lĩnh vực công tác; những hạn chế, yếu kém, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, trách nhiệm. Trên cơ sở sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, xác định phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm và đề ra giải pháp thiết thực bảo đảm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác năm 2018. Bảo đảm phục vụ việc xây dựng báo cáo sơ kết của toàn ngành Kiểm sát Thái Bình và tổ chức sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2018 có chất lượng, hiệu quả và thiết thực.

2. Yêu cầu

- Đánh giá chính xác, khách quan, toàn diện kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mỗi đơn vị và toàn Ngành; làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm dẫn đến những chỉ tiêu, nhiệm vụ chưa thực hiện, thực hiện chưa đạt, chưa đảm bảo tiến độ, những thiếu sót, hạn chế, yếu kém trong công tác và kiến nghị các biện pháp cụ thể, thiết thực nhằm khắc phục và hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo.

- Báo cáo của các đơn vị phải đảm bảo yêu cầu chung theo Đề cương (Mẫu số 41 ban hành kèm theo Quyết định số 386/QĐ-VKSTC ngày 10/10/2017), nêu rõ những cách làm mới, hiệu quả hơn, đánh giá sâu những kết quả nổi bật và những mặt còn hạn chế, yếu kém; những khó khăn vướng mắc, chỉ rõ nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị biện pháp khắc phục.

Trong báo cáo phải có dẫn chứng cụ thể, số liệu phải đảm bảo chính xác, phản ánh sát đúng tình hình tội phạm và kết quả thực hiện nhiệm vụ, các chỉ tiêu đề ra, có so sánh với cùng kỳ năm 2017.

- Ngoài các chỉ tiêu thống kê theo quy định, các đơn vị báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo các Nghị quyết của Quốc hội về công tác tư pháp, các chỉ tiêu nghiệp vụ cơ bản ban hành kèm theo Quyết định số 379/QĐ-VKSTC ngày 10/10/2017 của Viện trưởng VKSND tối cao, các chỉ tiêu theo Kế hoạch của

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình. Yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm túc việc tổng hợp số liệu vào phụ lục kèm theo báo cáo bảo đảm đầy đủ, chính xác.

II. BỐ CỤC, NỘI DUNG BÁO CÁO SƠ KẾT

1. TÌNH HÌNH TỘI PHẠM, VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

1.1 Tình hình tội phạm

Thông qua số vụ án khởi tố trong kỳ, phân tích, đánh giá tình hình tội phạm trong các lĩnh vực (*Tội phạm về an ninh quốc gia; Tội phạm về trật tự xã hội; Tội phạm về kinh tế; Tội phạm về ma túy; Tội phạm về tham nhũng, chức vụ; Tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp*); những diễn biến mới của tội phạm (*về loại tội, thủ đoạn, tính chất, hậu quả*); số đối tượng phạm tội là cán bộ, đảng viên, người chưa thành niên, học sinh, người có tiền án; so sánh với cùng kỳ năm 2017; nêu ngắn gọn một số vụ án điển hình khởi tố trong thời điểm báo cáo. Chú ý phân tích rõ nguyên nhân của tình hình tội phạm (*có dẫn chứng chứng minh cho từng nhận định*).

1.2. Tình hình tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính

Đánh giá tình hình chung, những vấn đề nổi cộm về tranh chấp, khởi kiện thông qua những vụ, việc dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính... xảy ra, thụ lý, giải quyết trong thời điểm báo cáo; so sánh với kỳ trước. Nguyên nhân của tình hình.

1.3. Tình hình vi phạm trong hoạt động tư pháp

Đánh giá tình hình chung về chấp hành pháp luật trong hoạt động tư pháp, những ưu điểm, những vi phạm điển hình trong hoạt động tư pháp. Nguyên nhân của tình hình.

2. KẾT QUẢ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

Trong từng lĩnh vực công tác, các đơn vị cần nêu, đánh giá đầy đủ, sát đúng, đảm bảo các yêu cầu, bám sát vào chỉ đạo của Viện trưởng VKSND tối cao tại Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 20/12/2017, Kế hoạch số 01/KH-VKS ngày 06/01/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, các chỉ thị chuyên đề, hệ thống chỉ tiêu nghiệp vụ; cần tập trung đánh giá rõ các nội dung:

- *Những biện pháp, đổi mới, cải tiến để tổ chức thực hiện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, bảo đảm tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu đã đề ra.*

- *Nêu rõ các giải pháp, biện pháp chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của lãnh đạo đơn vị, kết quả thực hiện trong 6 tháng đầu năm.*

- *Báo cáo rõ việc triển khai và kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đơn vị được giao theo Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 20/12/2017; việc triển khai và kết quả thực hiện các chỉ thị chuyên đề của Viện trưởng VKSND tối cao đã ban hành những năm qua, nhất là các chỉ thị ban hành năm 2017 và đầu năm 2018 (về công tác kháng nghị; kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự, hành chính; giải quyết, kiểm sát giải quyết đơn; quản lý án tạm đình chỉ; xây*

dụng, thi hành pháp luật; hướng dẫn, giải đáp pháp luật; thanh tra đột xuất;...); những chỉ đạo khác của Viện trưởng và Phó Viện trưởng VKSND tối cao.

- Khi đánh giá kết quả công tác phải bám sát yêu cầu của pháp luật, quy chế của Ngành, Hệ thống chỉ tiêu nghiệp vụ cơ bản của Ngành, các chỉ tiêu, nhiệm vụ Quốc hội giao cho Ngành (so sánh với cùng kỳ năm 2017).

- Đánh giá khái quát tình hình vi phạm trong hoạt động tư pháp tại địa phương; những vi phạm điển hình được phát hiện thông qua công tác kiểm sát (dạng vi phạm, nội dung vi phạm và số lần vi phạm). Những biện pháp tác động, xử lý của Viện kiểm sát (kháng nghị, kiến nghị,...) kết quả tiếp thu, sửa chữa, khắc phục của cơ quan chức năng; đánh giá về hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm sát.

- Những hạn chế, thiếu sót và khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (của đơn vị và trong lĩnh vực phụ trách); phân tích rõ nguyên nhân những kết quả đạt được và hạn chế, yếu kém.

- Những biện pháp, giải pháp nhằm khắc phục hạn chế, yếu kém và hoàn thành nhiệm vụ năm 2018 và trong công tác trong thời gian tới.

- Công tác phối hợp giữa Viện kiểm sát hai cấp: việc chuyển vụ án; công tác chỉ đạo, hướng dẫn, việc thỉnh thị, trả lời thỉnh thị, thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ ...

2.1 Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong lĩnh vực hình sự

2.1.1. Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố

Các biện pháp đã thực hiện để nâng cao chất lượng kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; việc phối hợp với Cơ quan điều tra và các cơ quan chức năng khác trong tổ chức thực hiện Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT của liên ngành Trung ương về quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; các biện pháp phối hợp để nắm, quản lý tình hình tội phạm; phân loại; đẩy nhanh tiến độ giải quyết, ngăn ngừa các vi phạm về thời hạn giải quyết (số yêu cầu kiểm tra, xác minh; tổng số tin phải gia hạn thời hạn giải quyết trong kỳ, tỷ lệ); việc tiến hành kiểm sát trực tiếp, kiểm sát đột xuất; kết quả phối hợp với Mặt trận Tổ quốc kiểm tra, giám sát tại Công an cấp xã; việc lập hồ sơ kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo tội phạm ...

2.1.2. Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự

- Các biện pháp đã áp dụng và kết quả đạt được trong việc thực hiện Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm; các biện pháp phòng chống oan sai.

- Công tác kiểm sát khám nghiệm (hiện trường, tử thi ...); kiểm sát việc khởi tố, những biện pháp để kiểm sát chặt chẽ tất cả các vụ án ngay khi khởi tố. Số yêu

cầu khởi tố vụ án, bị can; yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ để có căn cứ phê chuẩn khởi tố ?

- Biện pháp nâng cao sự chủ động của Kiểm sát viên trong hoạt động kiểm sát điều tra, bám sát tiến độ điều tra, trích cứu hồ sơ, việc đề ra yêu cầu điều tra, số lượng, tỷ lệ vụ có yêu cầu điều tra bằng văn bản; số lượng, tỷ lệ vụ án có nhật ký kiểm sát điều tra; số vụ án Kiểm sát viên trực tiếp tiến hành lấy lời khai, hỏi cung bị can; việc lập phiếu quản lý án... Số vụ đã thực hiện việc báo cáo tiến độ điều tra theo định kỳ 15 ngày/lần. Biện pháp đẩy nhanh tiến độ điều tra; hiệu quả số vụ án kết thúc điều tra trước thời hạn; tỷ lệ số vụ án gia hạn điều tra; gia hạn thời hạn truy tố; việc giải quyết án của năm 2017 chuyển sang...

- Chất lượng kiểm sát việc bắt, áp dụng thay đổi biện pháp ngăn chặn; biện pháp hạn chế việc bắt, tạm giữ hình sự sau xử lý hành chính; việc áp dụng, thay đổi và hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, tỷ lệ bị can thay đổi biện pháp tạm giam so với số phê chuẩn tạm giam, bắt tạm giam (*lập danh sách cụ thể các trường hợp thay đổi biện pháp tạm giam, trong đó nêu rõ các trường hợp sau đó xét xử án tù giam, phạt tù cho hưởng án treo...*).

Đánh giá công tác phối hợp trong đấu tranh phòng, chống tội phạm giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố; phối hợp xác định và giải quyết án trọng điểm, án dư luận xã hội quan tâm; án rút gọn; chất lượng giải quyết án của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát; việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung; việc quản lý, theo dõi, kiểm sát án đình chỉ, tạm đình chỉ ...

- Đánh giá tình hình hoạt động hỗ trợ tư pháp giai đoạn điều tra, truy tố (số vụ án, bị can có người bào chữa, số lượt người bào chữa,...); những vi phạm trong hoạt động hỗ trợ tư pháp, giám định, định giá tài sản...

2.1.3. Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố

- Việc nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ của Kiểm sát viên; việc thực hiện phúc cung đối với tất cả các vụ án, bảo đảm căn cứ vững chắc trước khi đề xuất quyết định truy tố.

- Việc kiểm tra hồ sơ vụ án của lãnh đạo đơn vị trước khi quyết định truy tố và chuyển Tòa án để xét xử.

2.1.4. Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự

- Các biện pháp đã thực hiện nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử. Hoạt động tranh luận, đối đáp của Kiểm sát viên; việc kiểm sát biên bản phiên tòa. Kết quả thực hành quyền công tố, bảo vệ quan điểm truy tố và kiểm sát xét xử; số vụ, bị cáo Tòa án tuyên khác quan điểm của Viện kiểm sát (tội danh, khung hình phạt, loại hình phạt, mức hình phạt, biện pháp chấp hành hình phạt); số vụ án mà kết quả xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm sửa hoặc hủy án.

- Các đơn vị báo cáo cụ thể các trường hợp được hưởng án treo (tỉ lệ trên số bị cáo đã xét xử), phân tích rõ theo từng loại tội, so sánh đánh giá với cùng kỳ năm 2017 (có phụ lục kèm theo báo cáo).

- Công tác kiểm sát, kiểm tra việc kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án; việc chấp hành quy định về sao gửi bản án, quyết định cho Viện kiểm sát cấp

trên (số liệu, tỷ lệ gửi đúng hạn); đánh giá biện pháp, số lượng, chất lượng kháng nghị.

- Số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát; số vụ trả đúng, trả không đúng; lý do trả hồ sơ; xử lý của Viện kiểm sát; việc tổ chức kiểm điểm xác định nguyên nhân và trách nhiệm để xảy ra việc Tòa án trả hồ sơ đúng.

- Kết quả công tác tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm; các phiên tòa do lãnh đạo đơn vị trực tiếp thực hành quyền công tố.

- Công tác phối hợp giữa Viện kiểm sát với cơ quan hữu quan trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; phối hợp tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động. Việc phát hiện, ban hành các kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm; tổng hợp nguyên nhân, điều kiện phát sinh vi phạm, tội phạm để ban hành kiến nghị phòng ngừa.

- Đánh giá hoạt động tham gia bào chữa, số lượng, chất lượng bào chữa (số vụ, bị cáo có người bào chữa, số lượt người bào chữa, số mời, số chỉ định ...).

2.1.5. Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự

- Các biện pháp đã triển khai thực hiện nhằm hạn chế những vi phạm, thiếu sót của các cơ quan trong công tác này (quá hạn tạm giữ, tạm giam; phân loại giam giữ không đúng quy định; việc thực hiện chế độ đối với người bị tạm giữ, tạm giam; mang vật cấm vào nơi giam, giữ; đánh nhau, vi phạm nội quy;...); việc tổ chức kiểm sát định kỳ, kiểm sát đột xuất; kết quả kiểm sát cụ thể của đơn vị.

- Kết quả kiểm sát thi hành án hình sự; kiểm sát việc ra quyết định và đưa người bị kết án phạt tù đi chấp hành án; kiểm sát các trường hợp hoãn, tạm đình chỉ, trốn thi hành án; việc đôn đốc, yêu cầu đưa bị án đi thi hành; truy nã bị án trốn; số bị án đã thi hành (tỷ lệ), chưa thi hành (lý do); việc kiểm sát số bị án thi hành án treo, cải tạo không giam giữ; việc xét giảm thời hạn chấp hành án.

- Kết quả kiểm sát trực tiếp Cơ quan thi hành án hình sự và kiểm sát trực tiếp Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác thi hành án treo, cải tạo không giam giữ; kết quả phối hợp với Mặt trận Tổ quốc để tiến hành kiểm sát, giám sát.

2.2. Công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật

2.2.1. Kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình

2.2.2 Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật

Trong từng lĩnh vực, yêu cầu:

- Nêu rõ các biện pháp để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ; việc quản lý số vụ, việc dân sự...; chất lượng, hiệu quả Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phiên họp; việc phối hợp tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm; kiểm sát việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án.

- Công tác kiểm sát các bản án, quyết định của Tòa án; việc gửi bản án, quyết định cho Viện kiểm sát cấp trên theo quy định (số liệu, tỷ lệ gửi đúng hạn); số bản án, quyết định đã kiểm sát, kiểm tra; biện pháp nâng cao số lượng, chất

lượng kháng nghị; đánh giá số vụ, việc bị hủy hoặc cải sửa khi xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm.

- Công tác kiểm sát phát hiện vi phạm, ban hành kiến nghị yêu cầu khắc phục.

2.3. Công tác kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính

- Các biện pháp đã triển khai, thực hiện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát; hiệu quả kiểm sát việc phân loại những việc có điều kiện và chưa có điều kiện thi hành; giảm số việc chưa có điều kiện thi hành; giải quyết việc có điều kiện thi hành, việc thi hành án phức tạp, kéo dài; kiểm sát xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án; lập hồ sơ kiểm sát; kiểm sát việc tiêu hủy vật chứng, định giá tài sản ... Tỷ lệ thi hành án xong trên số có điều kiện thi hành; chưa thi hành, lý do.

- Công tác kiểm sát trực tiếp cơ quan Thi hành án dân sự; việc theo dõi, kiểm tra nâng cao hiệu lực kháng nghị, kiến nghị đã ban hành. Việc rà soát, phát hiện, đề xuất xử lý những bản án tuyên không rõ ràng, gây khó khăn cho việc thi hành án.

2.4. Công tác giải quyết và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp

- Đánh giá tình hình khiếu nại, tố cáo về hoạt động tư pháp; việc tổ chức tiếp công dân; việc tiếp công dân của lãnh đạo đơn vị; tiếp nhận phân loại xử lý đơn.

- Các biện pháp mới để nâng cao tiến độ, chất lượng việc phân loại, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát.

- Đánh giá công tác kiểm sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo về hoạt động tư pháp của các cơ quan tư pháp; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết đơn;... (số đơn của từng cơ quan thụ lý, kết quả giải quyết). Việc tiến hành kiểm sát trực tiếp; ban hành văn bản đề đôn đốc cơ quan tư pháp giải quyết khiếu nại, tố cáo, ban hành kiến nghị và việc tiếp thu thực hiện.

2.5. Công tác phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương

- Việc thực hiện nhiệm vụ do cấp Ủy, Hội đồng nhân dân giao, chú ý các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ như: Việc bảo đảm an ninh trật tự, phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường các hoạt động phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2 (2016-2020), nhất là các xã được giao phụ trách; tham mưu các biện pháp ổn định tình hình tại các địa bàn; giải quyết các vụ việc phức tạp phát sinh, ...

- Việc phối hợp liên ngành phục vụ nhiệm vụ chính trị ở địa phương; đấu tranh, xử lý; tuyên truyền pháp luật, phòng ngừa tội phạm.

- Việc tham mưu, đề xuất, kiến nghị với cấp Ủy, chính quyền địa phương.

3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC KHÁC

3.1. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành

- Đánh giá kết quả thực hiện công tác trên cơ sở những chỉ đạo của Viện trưởng VKSND tối cao tại Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 20/12/2017, các chỉ thị chuyên đề và các thông báo ý kiến chỉ đạo của Viện trưởng VKSND tối cao về công tác xây dựng Ngành, nhất là về: công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, công tác tổ chức, cán bộ; công tác hướng dẫn thi hành pháp luật;... Trong đó, nêu rõ những đổi mới nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ trong chỉ thị, chương trình, kế hoạch đã đề ra; các biện pháp đề cao trách nhiệm của lãnh đạo các đơn vị, Kiểm

sát viên,...; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cụ thể của người đứng đầu đơn vị nhằm bảo đảm thực hiện tốt phương châm “Đoàn kết, đổi mới - Trách nhiệm, kỷ cương - Chất lượng, hiệu quả”;...

Lưu ý: Năm 2018, Chỉ thị công tác số 01/CT-VKSTC ngày 20/12/2017 của VKSND tối cao xác định công tác tổ chức cán bộ là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Ngành. Các đơn vị chú ý báo cáo, đánh giá sâu về nội dung này. Chú ý đánh giá việc quán triệt, thực hiện Quy định số 102-QĐ/TW ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 04-HD/UBKTTW, ngày 22/3/2018 của Ủy ban kiểm tra Trung ương về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm, nhất là các quy định liên quan đến cán bộ đảng viên trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình công tác; những biện pháp đổi mới nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành; đề cao trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật; tổ chức hưởng ứng các phong trào thi đua; chú trọng việc tổ chức thực hiện chủ đề thi đua do VKSND tỉnh đề ra *“Trách nhiệm, nghiêm túc trong công việc; gương mẫu, đúng mực trong cuộc sống”*. Các biện pháp thực hiện nhiệm vụ trọng tâm đột phá của Ngành năm 2018 *“Nâng cao chất lượng kháng nghị, kiến nghị trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp”*; những việc đột phá theo kế hoạch, chương trình công tác của đơn vị; chỉ tiêu, biện pháp thực hiện, kết quả đạt được.

- Việc xây dựng, sửa đổi các quy chế, quy định trong ngành; quy chế phối hợp với các cơ quan tư pháp. Việc tổ chức thực hiện các quy chế, thực hiện chỉ đạo của Viện kiểm sát cấp trên và các chỉ tiêu công tác; công tác hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ.

- Việc giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, tinh thần trách nhiệm cho cán bộ; kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên *“Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm”* gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về *“Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*; tổ chức thực hiện công tác xây dựng Đảng trong ngành; thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XII) về *Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*. Việc thực hiện chủ trương về kiện toàn cơ cấu tổ chức, sắp xếp, bố trí sử dụng điều động, luân chuyển cán bộ; rà soát, bổ sung, xây dựng quy hoạch cán bộ các giai đoạn; việc xét đề nghị bổ nhiệm chức vụ, chức danh.

3.2. Công tác tổ chức quán triệt, triển khai thi hành các đạo luật mới về tư pháp và hướng dẫn nghiệp vụ

Việc tổ chức quán triệt, triển khai thi hành các luật, nghị quyết, nhất là các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 3 liên quan đến vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân.

3.3. Công tác tổ chức, cán bộ, xây dựng Đảng

- Việc giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, tinh thần trách nhiệm cho cán bộ; kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên *“Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm”* gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về *Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”.

- Việc thực hiện chủ trương về kiện toàn cơ cấu tổ chức, sắp xếp, bố trí sử dụng điều động, luân chuyển cán bộ; rà soát, bổ sung, xây dựng quy hoạch cán bộ; việc xét đề nghị bổ nhiệm chức vụ, chức danh; công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng nghiệp vụ.

- Việc thực hiện các Chỉ thị của Đảng, Quy chế của Ngành về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của VKSND; việc phát hiện vi phạm và xử lý cán bộ vi phạm, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

- Tổ chức thực hiện công tác xây dựng Đảng trong ngành; thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XI), Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII).

3.4. Công tác thanh tra, kiểm tra

- Chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra nghiệp vụ trong quản lý, chỉ đạo, điều hành; thanh tra, kiểm tra kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo yêu cầu của Quốc hội, của Ngành; đánh giá thực hiện Chỉ thị số 05/CT-VKSTC-TTtr ngày 31/3/2014 của Viện trưởng VKSND tối cao về tăng cường kỷ cương, kỷ luật và trật tự nội vụ trong Ngành và Thông báo số 135/TB-VKSTC ngày 29/5/2017 về ý kiến chỉ đạo của Viện trưởng VKSNDTC tại Hội nghị công tác thanh tra Ngành năm 2017.

3.5. Công tác thống kê tội phạm và công nghệ thông tin

Các biện pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; việc khai thác ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thống kê, quản lý nghiệp vụ và quản lý, chỉ đạo, điều hành; khai thác hệ thống truyền hình trực tuyến; phát triển hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin.

3.6. Công tác tham mưu tổng hợp, tài chính, thi đua, khen thưởng, văn phòng

- Công tác tham mưu, tổng hợp, việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo và quản lý công tác trong Ngành.

- Công tác dự toán và thực hiện dự toán; quản lý, sử dụng nguồn ngân sách, trang thiết bị, phương tiện, tài sản công.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo Chỉ thị, Kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng năm 2017; phát động, hưởng ứng các phong trào thi đua; việc lập hồ sơ thi đua, khen thưởng; việc chi quỹ thi đua khen thưởng và các biện pháp xây dựng điển hình tiên tiến của đơn vị.

3.7. Công tác phối hợp

Công tác phối hợp liên ngành; giao ban liên ngành; quan hệ với cấp ủy, chính quyền địa phương.

3.8. Việc tổ chức thực hiện nội dung công tác đột phá đã lựa chọn

Báo cáo cụ thể nội dung công tác đột phá đã lựa chọn (*các chỉ tiêu đưa ra, các biện pháp thực hiện, kết quả đã đạt được...*). Đánh giá những ưu điểm, hạn chế, yếu kém (nếu có); những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

4. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

3. Đánh giá chung

3.1. Những ưu điểm

3.2. Những hạn chế, thiếu sót và khó khăn, vướng mắc

3.3. Nguyên nhân

3.4. Kiến nghị, đề xuất

Trong phần này, đánh giá những kết quả công tác nổi bật, góp phần vào kết quả công tác giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương; những hạn chế, yếu kém cần khắc phục; nguyên nhân chủ yếu của kết quả đạt được và hạn chế, yếu kém; những bài học kinh nghiệm trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ; những đề xuất, kiến nghị để khắc phục hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

4. Những nhiệm vụ trọng tâm công tác 6 tháng cuối năm 2018

*** Một số lưu ý đối với báo cáo của các phòng:**

Các Phòng trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh căn cứ nội dung về những vấn đề liên quan đến chức trách nhiệm vụ được giao để xây dựng báo cáo sơ kết; báo cáo cần quán triệt yêu cầu, nội dung theo hướng dẫn của các Vụ nghiệp vụ Viện kiểm sát nhân dân tối cao (nếu có); đồng thời phải đảm bảo các nội dung sau:

- Báo cáo kết quả công tác của đơn vị phải gắn với phân tích đánh giá tình hình, kết quả công tác chung của toàn ngành Kiểm sát Thái Bình thuộc lĩnh vực, phần việc đơn vị được giao phụ trách; ***nêu rõ những đơn vị cấp huyện điển hình làm tốt, những đơn vị làm chưa tốt để rút kinh nghiệm (mỗi loại 3 đơn vị).***

- Đánh giá việc thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng theo dõi, quản lý, kiểm tra hướng dẫn nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

- Việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được phân công tại Mục IV của Kế hoạch công tác số 01/KH-VKS ngày 06/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh.

- Đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn của các đơn vị nghiệp vụ Viện kiểm sát nhân dân tối cao; những mặt tích cực, hạn chế và đề xuất kiến nghị.

- Báo cáo phải đánh giá đầy đủ tình hình vi phạm trong hoạt động tư pháp thuộc lĩnh vực đơn vị được giao phụ trách theo dõi, quản lý ở hai cấp kiểm sát; ***có so sánh với cùng kỳ năm 2017; nêu số liệu cụ thể, tỷ lệ của ít nhất 3 dạng vi phạm điển hình nhất.***

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị nghiên cứu, khẩn trương tập trung xây dựng báo cáo bảo đảm theo đúng yêu cầu và bố cục nội dung, lập phụ lục cụ thể, đầy đủ theo Hướng dẫn này và theo mẫu báo cáo, mẫu phụ lục của Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Ngoài ra có thể báo cáo thêm nội dung khác nếu thấy cần thiết.

2. Thời điểm lấy số liệu: ***Từ ngày 01/12/2017 đến 31/5/2018.*** Các đơn vị chủ động chốt số liệu, sớm đối chiếu, thống nhất số liệu với Phòng Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin để đảm bảo thống nhất số liệu chung của toàn tỉnh.

3. Thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo của Viện kiểm sát nhân dân các huyện, thành phố có ở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (Văn phòng tổng hợp - hộp thư: *pvptonghop* và *tonghop*) chậm nhất là ngày **04/6/2018**, của các phòng chậm nhất là **11 giờ ngày 05/6/2018**.

4. Thời hạn gửi thống kê:

- Thống kê tháng 5 của các đơn vị có ở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh chậm nhất là **16 giờ ngày 01/6/2018 (Thứ 6)**.

- Thống kê 6 tháng của các đơn vị có ở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh chậm nhất là **11 giờ ngày 04/6/2018 (Thứ 2)**.

Phòng Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm tổng hợp số liệu thống kê ở 2 cấp và cung cấp cho Văn phòng tổng hợp chậm nhất là **11 giờ ngày 06/6/2018** để phục vụ xây dựng báo cáo sơ kết của toàn ngành.

5. Văn phòng tổng hợp hoàn thành dự thảo báo cáo sơ kết của Viện kiểm sát tỉnh chậm nhất là **11 giờ ngày 09/6/2018** để chuyển vào hộp thư điện tử xin ý kiến của lãnh đạo Viện, các đơn vị đóng góp vào dự thảo và chuyển lại Văn phòng tổng hợp (hộp thư *pvptonghop*) chậm nhất **16 giờ ngày 10/6/2018**; Văn phòng tổng hợp hoàn chỉnh báo cáo, trình lãnh đạo Viện trước **14 giờ ngày 11/6/2018** để duyệt, ký ban hành, gửi về Viện kiểm sát nhân dân tối cao **chậm nhất ngày 12/6/2018**.

Nhận được hướng dẫn này, yêu cầu các đồng chí Trưởng phòng trực thuộc, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện nghiêm túc, xây dựng báo cáo sơ kết và phụ lục kèm theo đảm bảo chất lượng gửi về Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đúng thời gian quy định. /.

Nơi nhận:

- VKSND tối cao (phòng tổng hợp);
- Đ/c Lê Hữu Thê -PVT-VKSTC;
- Các đ/c Lãnh đạo Viện tỉnh (để biết);
- Các đơn vị trong ngành (để thực hiện);
- Lưu VPTH.

} để báo cáo

VIỆN TRƯỞNG



Lại Hợp Mạnh